

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 73/2024/HS-ST  
Ngày: 30 tháng 10 năm 2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc Trinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lương Văn Cầu
- Ông Ngô Phúc

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh T (M), sinh năm 1990; nơi sinh: An Giang; Nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật Giáo H; Quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; Con ông Nguyễn Thanh T1 (đã chết) và bà Trần Thị T2; vợ là Lê Thị Trúc M1 (đã ly hôn), có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Quá trình nhân thân: Ngày 06/10/2003, bị UBND huyện C, tỉnh An Giang ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường G, về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” thời gian 24 tháng; Ngày 25/12/2023, bị UBND xã B ra quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, thời gian 01 năm. Bị cáo Nguyễn Minh T bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2024 tại Nhà tạm giữ - Công an huyện C cho đến nay (Có mặt)

2. Lê Tuấn T3 (T4), sinh năm 1984, nơi sinh: An Giang; Nơi cư trú: Ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn C (chết) và bà Trần Thị P; vợ là Đỗ Thị T5 và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo Lê Tuấn T3 bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2024 tại Nhà tạm giữ - Công an huyện C cho đến nay (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Tuấn T6, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Ông Liêu Huỳnh Gia B, ông Trần Văn V (Tất cả đều vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 12/7/2024, Tổ công tác 124 thuộc Công an huyện C, tỉnh An Giang tuần tra trên tuyến tỉnh lộ 941 hướng L - T. Khi đến khu vực ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, Tổ công tác phát hiện Nguyễn Minh T điều khiển xe mô tô biển số: 63K8 - 4100 chở Lê Tuấn T3 có biểu hiện nghi vấn nên ra tín hiệu dừng phương tiện kiểm tra, phát hiện trong túi áo khoác bên phải T3 đang mặc có 01 bọc nylon, bên trong có 01 bọc nylon có rãnh khóa viên màu đỏ chứa chất tinh thể màu trắng (nghi là ma túy); 02 cây nỏ bằng thủy tinh và 01 cây nỏ thủy tinh có gắn ống hút màu trắng nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tang vật và mời T3, T về làm việc.

Vật chứng thu giữ: 01 bọc nylon trong suốt, bên trong chứa: 01 bọc nylon trong suốt có rãnh khóa viên màu đỏ chứa tinh thể màu trắng (nghi là ma túy), 02 cây nỏ bằng thủy tinh trong suốt, 01 cây nỏ bằng thủy tinh trong suốt có gắn ống hút nhựa màu trắng; 01 xe Wave màu xanh, biển số: 63K8 - 4100, số máy: HC08E-0322491, số khung: RLHHC08062Y322239, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu SAMSUNG Galaxy A51 màu trắng; EMEI (khe 1) số: 352353112615908; IMEI (khe 2): 352354112615906; trong điện thoại có gắn 02 sim số 0932203835 và số 0964135330, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu OPPO A12 màu xanh; Kiểu máy: CPH2083; trong điện thoại có gắn 02 sim số 0776805289 và số 0976333415, đã qua sử dụng; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0070627 do Phòng C2 Công an tỉnh T cấp ngày 05/3/2003, đối với xe mô tô biển số 63K8 - 4100.

Quá trình điều tra xác định: Nguyễn Minh T và Lê Tuấn T3 đi làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 11/7/2024, sau khi T3 về nhà tại ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang, T nhờ T lấy xe mô tô biển số 63K8 - 4100 (T3 cầm trước đó, đã chuyển tiền cho tiệm cầm đồ chuộc xe) chạy về quê giùm T3, T đồng ý. Sau khi nhận xe của T3 từ tiệm cầm đồ, T điện thoại cho người đàn ông (không xác định họ tên, địa chỉ cụ thể) ở L, tỉnh An Giang hỏi mua 600.000 đồng ma túy đá và dụng cụ sử dụng ma túy, hẹn 23 giờ cùng ngày lấy ma túy tại chân cầu T thuộc phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Khoảng 16 giờ ngày 11/7/2024, T điều khiển xe mô tô biển số 63K8 - 4100 đi từ Quận G, thành phố Hồ Chí Minh về tỉnh An Giang. Đến 23 giờ cùng ngày, T đến chân cầu Tôn Đức T7 gặp người đàn ông để mua 600.000 đồng ma túy đá và dụng cụ sử dụng ma túy rồi chạy xe về nhà tại ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Khoảng 15 giờ ngày 12/07/2024, T lấy ma túy ra sử dụng một mình tại sau vườn nhà. Đến 20 giờ cùng ngày, T điện thoại rủ T3 đi uống cà phê, tìm chỗ sử dụng ma túy thì T3 đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 63K8 - 4100

đến nhà T3, chở T3 chạy hướng xã C - B. Trên đường đi, T lấy trong túi quần phía trước bên phải của T, đưa T3 một bọc nylon bên trong có bọc ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy; T3 lấy cất vào túi áo khoác bên phải đang mặc. Sau đó bị Tổ công tác bắt giữ.

Tại Kết luận giám định số 999/KL-KTHS ngày 18/7/2024 của Phòng K - Công an tỉnh A, kết luận: Mẫu gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 1,0880 gam.

Tại Bản cáo trạng số 67/CT-VKSCT-HS ngày 04 tháng 10 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh T và Lê Tuấn T3 về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên. (Bút lục số: 23 - 26; 138 – 141; 136 - 137)

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; Xử phạt bị cáo Lê Tuấn T3 từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Áp dụng Điều 46, 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì được niêm phong (Vụ số: 999/KL-KTHS ngày 18/7/2024) có in hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, 01 bọc nylon trong suốt bên trong có 02 cây nỏ bằng thủy tinh trong suốt và 01 cây nỏ bằng thủy tinh trong suốt có gắn ống hút nhựa màu trắng. Trả lại bị cáo T: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu OPPO A12 màu xanh; Kiểu máy: CPH2083; gắn 02 sim số 0776805289 và số 0976333415. Trả lại cho bị cáo T3: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu SAMSUNG Galaxy A51 màu trắng, EMEI (khe 1) số 352353112615908, IMEI (khe 2) số 352354112615906, gắn 02 sim số 0932203835 và số 0964135330; 01 xe Wave màu xanh, biển số: 63K8 – 4100, số máy: HC08E-0322491, số khung: RLHHC08062Y322239 và 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0070627, biển số 63K8 – 4100.

Các bị cáo không tranh luận với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát và lời nói sau cùng của các bị cáo thể hiện sự ăn năn hối cải, nhận thức được lỗi lầm và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, lời khai của người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội, cùng các tang vật đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 12/7/2024, tại khu vực ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, bị cáo Nguyễn Minh T và Lê Tuấn T3 đã có hành vi tàng trữ trái phép 01 bọc nilon có rãnh khóa viền màu đỏ chứa chất tinh thể màu trắng, qua giám định xác định là ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng: 1,0880 gam, đây là ma túy do T đã mua trước đó đưa cho T3 cất giấu trên đường T chở T3 cùng nhau đi uống cà phê và tìm chỗ để sử dụng thì bị Tổ công tác 124 thuộc Công an huyện C, tỉnh An Giang phát hiện và bắt quả tang ma túy được cất giấu trong túi áo khoác bên phải của T3.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Minh T và Lê Tuấn T3 đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2017, có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội, là nguyên nhân xảy ra nhiều loại tội phạm khác, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình. Do đó, cần xử lý nghiêm minh với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội và nhằm mục đích răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bị cáo là người trưởng thành, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật và phải chịu chế tài hình sự nghiêm khắc nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm thỏa mãn nhu cầu về ma túy của bản thân. Do đó, cần phải có hình phạt tương xứng với mức độ nghiêm trọng của tội phạm.

Bên cạnh, cần phân hoá vai trò của từng bị cáo khi quyết định mức hình phạt để tương xứng với mức độ, tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo: Bị cáo T là người trực tiếp mua ma túy về tàng trữ để sử dụng trái phép và rủ bị cáo T3 sử dụng, trước khi phạm tội bị cáo T có nhân thân xấu, bị cáo T đang trong thời hạn bị Ủy ban nhân dân xã B ra quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy

tự nguyện tại gia đình, cộng đồng. Do đó, mức hình phạt của bị cáo T cao hơn bị cáo T3.

Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự thuộc thành phần nhân dân lao động, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Ngoài ra bị cáo Thanh hiện là lao động chính trong gia đình có mẹ già bị bệnh tai biến và nuôi 02 con nhỏ đang sống với bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, hội đồng xét xử có xem xét cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định nên hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Đối với: Đối tượng bán ma túy cho T, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, truy tìm, khi đủ căn cứ sẽ đề xuất xử lý sau.

[7] Về vật chứng: Đối với số ma túy hoàn lại sau giám định và dụng cụ để sử dụng ma túy đây là vật Nhà nước cấm tàng trữ, vật không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy; Đối với xe mô tô, biển số: 63K8 – 4100 và giấy đăng ký xe thu giữ của bị cáo T3, các điện thoại di động thu giữ của bị cáo T và bị cáo T3 do không liên quan đến việc phạm tội, do đó trao trả lại cho các bị cáo theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[8] Về các vấn đề khác: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh T và Lê Tuấn T3 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 12/7/2024;

- Xử phạt bị cáo Lê Tuấn T3 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 12/7/2024;

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì được niêm phong (Vụ số: 999/KL-KTHS ngày 18/7/2024) có in hình dấu tròn

màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh An Giang và các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ H, Lê Minh C1, 01 bọc nilon trong suốt bên trong có 02 cây nỏ bằng thủy tinh trong suốt và 01 cây nỏ bằng thủy tinh trong suốt có gắn ống hút nhựa màu trắng. Trả lại bị cáo T: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu OPPO A12 màu xanh; Kiểu máy: CPH2083; gắn 02 sim số 0776805289 và số 0976333415. Trả lại cho bị cáo T3: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu SAMSUNG Galaxy A51 màu trắng, EMEI (khe 1) số 352353112615908, IMEI (khe 2) số 352354112615906, gắn 02 sim số 0932203835 và số 0964135330; 01 xe Wave màu xanh, biển số: 63K8 – 4100, số máy: HC08E-0322491, số khung: RLHHC08062Y322239 và 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0070627, biển số 63K8 – 4100. (Đặc điểm tang vật như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09/10/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện C với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành).

Căn cứ Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T và Lê Tuấn T3 mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/10/2024)

Đối với Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV-THA-TAND An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKS tỉnh An Giang;
- CQ CSĐT Công an Châu Thành;
- VKS Châu Thành;
- Chi cục THA.DS Châu Thành;
- Nhà tạm giữ - Công an Châu Thành;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Ngọc Trinh**